TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **446**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 14 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2010, ngày 17/11/2010 tại UBND xã QG, huyện QX (nay là phường N), tỉnh T.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **379**/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025, về việc "Ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1988;

CCCD số 038188000146, ngày cấp: 19/04/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình T, sinh năm: 1987;

CCCD số 034087000223, ngày cấp: 20/07/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng nơi thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Liên 1, phường Thượng Cát, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tình cảm:*** Anh Hoàng Đình T và chị Hoàng Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2010 tại UBND xã QG, huyện QX (nay là phường N), tỉnh T. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không còn phù hợp khiến cho cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng chung sống với nhau không còn tình cảm. Đến nay anh chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Hoàng Thị N khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H cho chị được ly hôn, anh Hoàng Đình T đồng ý, yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Hải A, sinh ngày 16/12/2011 và cháu Hoàng Đình Thái S, sinh ngày 30/08/2016; ngoài ra anh chị không còn con chung, con riêng nào khác. Sau khi ly hôn, giao cháu Hải A và cháu S cho chị Hoàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc cho

đến khi có sự thay đổi khác. Anh chị tự thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi các con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét yêu cầu này hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Đình T và chị Hoàng Thị N.

- *Về con chung:* Anh Hoàng Đình T và chị Hoàng Thị N có 02 con chung là cháu Hoàng Hải A, sinh ngày 16/12/2011 và cháu Hoàng Đình Thái S, sinh ngày 30/08/2016.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Giao cháu Hải A và cháu S cho chị Hoàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung: Anh Hoàng Đình T và chị Hoàng Thị N tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi các con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

+ Về quyền đi lại, chăm sóc con chung: Anh Hoàng Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc các con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh chị không có nợ chung.

2/ Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số: 00xxx65 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – H. Ghi nhận chị Hoàng Thị N đã nộp đủ án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố H;
- VKSND Khu vực 4 - H;
- Phòng THADS Khu vực 4 - H;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Quang H